

Bản án số: 186/2021/HC-PT

Ngày: 23/9/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính về việc
thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 332/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7243/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Anh Nguyễn Quốc A1 sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: Tổ dân phố TA, thị trấn TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Quách Thành A2 - Công ty Luật TNHH HNTN thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa và gửi bài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Thị trấn LG, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Bùi Thị Hương A3 là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LG; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A4 sinh năm 1958; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: Tổ dân phố TA, thị trấn TA, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A4: Anh Nguyễn Quốc A1 sinh năm 1988 (là con của bà A4); đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: Phố TĐ, xã TĐ, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Tiến A5 sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị A6 sinh năm 1957; cư trú tại: Khu Trần Phú, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

4. Ủy ban nhân dân xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị A7 sinh năm 1950; cư trú tại: Nhà số 300, phố M, ĐC, thị trấn H, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà Nguyễn Thị A8 sinh năm 1960; cư trú tại: Nhà số 123, THT, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Nguyễn Thị A8 sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn TV3, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

8. Bà Nguyễn Thị A9 (tên gọi khác A9 H) sinh năm 1967; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm NX, thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: Cộng hòa Liên Bang Đức (địa chỉ: LStr.52a, 04420 M, Cộng hòa Liên Bang Đức); vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà Phạm Thị A10 sinh năm năm 1965; cư trú tại: Xóm NX, thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2017 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Ngày 22/12/2003, bà Nguyễn Thị A4 (là mẹ của anh Nguyễn Quốc A1) được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện LG, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số Đ 237481 đối với diện tích 1.641m² thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, tại thôn PĐ, xã

PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (sau đây viết tắt là thửa đất số 45). Ngày 13/04/2016, bà A4 lập Hợp đồng tặng cho anh Nguyễn Quốc A1 quyền sử dụng thửa đất số 45 và tài sản gắn liền với đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LG đã xác nhận quyền sử dụng đất cho anh Khánh tại trang 04 của GCNQSDĐ số Đ 237481.

Ngày 20/01/2017, UBND huyện LG có Thông báo số 71/UBND-TNMT “V/v thông báo kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đất” kết luận GCNQSDĐ số Đ 237481 cấp trái pháp luật, không đúng trình tự thủ tục, UBND huyện LG sẽ tiến hành thu hồi GCNQSDĐ của anh A1. Anh A1 khiếu nại Thông báo này, đến ngày 06/06/2017 UBND huyện LG có Văn bản số 657/UBND-TNMT “V/v trả lời đơn của công dân” với nội dung giữ nguyên Thông báo số 71/UBND-TNMT ngày 20/01/2017.

Ngày 29/09/2017, UBND huyện LG ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PD, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang”. Việc UBND huyện LG thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481 thông qua Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/09/2017 là việc làm trái pháp luật, không có căn cứ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của anh A1. Căn cứ Điều 5 Luật Tổ tụng hành chính năm 2011 “Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp” anh A1 có quyền khởi kiện.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì Nhà nước không thu hồi GCNQSDĐ trong trường hợp người được cấp GCNQSDĐ đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu Thông báo số 71/UBND-TNMT, trao đổi với ông Nghiêm Phú A11 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG, anh A1 nhận thấy cơ quan chức năng vận dụng điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là “Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận đã cấp nếu người được cấp giấy đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất” mà không vận dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 trong quá trình giải quyết vụ việc. Từ đó cơ quan chức năng có quan điểm chuyển quyền sử dụng đất bằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp loại trừ việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp.

Như vậy, có sự xung đột pháp luật giữa quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về cùng một vấn đề. Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 có phạm vi toàn bộ chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo khoản 10 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 xác định là việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ người này sang người khác thông qua các hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

ngày 15/5/2014 của Chính phủ chỉ giới hạn việc không thu hồi GCNQSDĐ đã cấp trong phạm vi người được cấp GCNQSDĐ đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất, không có hình thức Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thì “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.”. Trong vụ việc này, cơ quan có thẩm quyền cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 để không thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà A4 do bà đã thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai cho anh A1 mới phù hợp quy định pháp luật.

Vì vậy, anh A1 khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/09/2017 của UBND huyện LG “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PD, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang” và các văn bản hành chính có liên quan như Báo cáo số 823/BC-TNMT ngày 25/11/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG, Báo cáo số 03/BC-TTr ngày 10/01/2017 của Thanh tra huyện LG, Thông báo số 71/UBND-TMNMT ngày 20/01/2017 của UBND LG, Văn bản trả lời đơn số 657/UBND-TNMT ngày 06/6/2017 của UBND LG, khôi phục cho gia đình anh A1 những quyền, lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do Quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Người bị kiện trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình:

+ Đối với hộ cụ Nguyễn Văn A12 (vợ là cụ Đỗ Thị A13)

Cụ A12, cụ A13 (là cha, mẹ đẻ của ông Nguyễn Tiến A5, bà Nguyễn Thị A4) sử dụng đất làm nhà ở tại khu vực NX, thôn PD, xã PM, huyện LG khoảng năm 1960. Theo bản đồ địa chính xã PM đo đạc năm 1992, đất ở (thổ cư) gia đình cụ A12 (cụ A13) sử dụng có 02 thửa đất là thửa số 190, diện tích 1.540m² và thửa số 126, diện tích 180m², tờ bản đồ số 25.

Theo GCNQSDĐ do UBND huyện LG đã cấp năm 1993 (cấp theo Luật Đất đai năm 1993) và Sổ Địa chính, Sổ Mục kê đất đai lập năm 1993 cho thấy: Cụ A12 được cấp GCNQSDĐ ở và đất nông nghiệp chung trên một GCNQSDĐ có tổng diện tích là 1.003m² đất, trong đó thửa đất số 126 có diện tích 180m² đất ở và 03 thửa đất nông nghiệp, không có thửa số 190, có diện tích 823m².

Trên thực tế, cụ A12, cụ A13 sử dụng thửa đất số 190, diện tích 1.540m² để ở liên tục, ổn định không có tranh chấp từ trước cho đến nay (cụ A12 chết năm 2014, cụ A13 chết năm 2017).

+ Đối với hộ ông Nguyễn Tiến A5

Qua làm việc, ông A5 cho biết: Cụ A12, cụ A13 là cha, mẹ đẻ của ông A5 và bà A4. Bố, mẹ ông sử dụng đất làm nhà ở tại thôn PD, xã PM khoảng năm 1960, diện tích khoảng 1.400m². Năm 1984, ông A5 lấy vợ. Đến năm 1986, ông A5 được cụ A12, cụ A13 tách cho một phần đất khoảng 700m²/1.400m² để ở riêng. Năm 1990, ông A5 xây dựng công trình chăn nuôi trên phần diện tích được cho nêu trên và đến năm 1993 được UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 770m² đất ở, tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 25. Năm 1996, ông A5 trồng cây ăn quả, đến năm 2010 tiếp tục xây dựng nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh trên phần diện tích được cấp GCNQSDĐ đất năm 1993.

Theo GCNQSDĐ do UBND huyện LG đã cấp năm 1993 (cấp theo Luật Đất đai năm 1993) và Sổ Địa chính, Sổ Mục kê đất đai lập năm 1993 cho thấy: Ông A5 được cấp GCNQSDĐ ở và đất nông nghiệp chung trên một GCNQSDĐ có tổng diện tích là 3.052m² đất, trong đó có diện tích 770m² đất ở thuộc thửa đất số 190, diện tích 1.540m² và 07 thửa đất nông nghiệp.

Trên thực tế, ông A5 đã xây dựng một số công trình (chăn nuôi, nhà bếp, nhà ăn, trồng cây) tại vị trí phía Bắc thửa đất số 190 (nay là thửa số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21 đo đạc năm 2003) tiếp giáp đầu hồi nhà ở 5 gian do cụ A12, cụ A13 sử dụng.

- Đối với hộ bà Nguyễn Thị A4 (con trai là anh Nguyễn Quốc A1)

Bà A4 (là con gái của cụ A12, cụ A13) sử dụng đất làm nhà ở tại khu vực NX, thôn PD xã PM trước năm 1990. Theo bản đồ địa chính xã PM đo đạc năm 1992, đất ở (thổ cư) gia đình bà A4 sử dụng tại thửa số 127, diện tích 295m², tờ bản đồ số 25.

Theo GCNQSDĐ do UBND huyện LG đã cấp năm 1993 (cấp theo Luật Đất đai năm 1993) và Sổ Địa chính, Sổ Mục kê đất đai lập năm 1993 cho thấy: Bà A4 được cấp GCNQSDĐ ở và đất nông nghiệp chung trên một GCNQSDĐ có tổng diện tích là 1.405m² đất, trong đó có thửa đất số 127, diện tích 295m² và 04 thửa đất nông nghiệp, không có thửa số 190, diện tích 1.540m². Bà A4 sử dụng thửa đất số 127, diện tích 295m² ổn định, liên tục không có tranh chấp.

Năm 2003, xã PM được đo đạc bản đồ địa chính mới phục vụ cho công tác lập hồ sơ địa chính, cấp đổi GCNQSDĐ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Thửa đất số 190, diện tích 1.540m² do cụ A12 (vợ là cụ A13) và ông A5 (đã được cấp GCN một phần diện tích 770m² đất vào năm 1993) sử dụng được đo vẽ thành số thửa mới là số 45, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.641,1m².

Ngày 22/12/2003, UBND huyện cấp GCNQSDĐ đất cho bà A4 đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m² (trong đó có: 300m² đất ở, 1.341,1m² đất vườn).

Ngày 13/4/2016, bà A4 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh A1 (là con trai của bà A4) đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m², được UBND xã PM chứng thực cùng ngày 13/4/2016. Ngày 05/5/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LG đã xác nhận quyền sử

dụng đất cho anh A1 đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m² tại trang 4 của GCNQSDĐ đã cấp cho bà A4 nêu trên.

- Về xem xét, giải quyết đơn thư của công dân và thu hồi GCNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị A4, anh Nguyễn Quốc A1:

Tháng 5/2016, ông A5 gửi đơn đề nghị UBND xã PM xem xét, giải quyết việc năm 2003 UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ cho bà A4 đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m² đã cấp chồng vào diện tích 770m² đất ở của ông đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 1993.

Ngày 29/9/2016, UBND xã PM có Báo cáo số 64/BC-UBND gửi UBND huyện báo cáo về kết quả kiểm tra nguồn gốc, quá trình cấp GCNQSDĐ của hộ ông A5, đã xác định ông A5 được UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 1993 đối với diện tích 770m² đất ở thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ số 25; việc cấp GCNQSDĐ cho bà A4 năm 2003 (cấp đổi sau đo đạc bản đồ) đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², trong đó có chồng vào đất của ông A5 đã cấp GCNQSDĐ năm 1993 với diện tích 770m²; đề nghị UBND huyện xem xét thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà A4.

UBND huyện LG giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG kiểm tra, đề xuất UBND huyện LG về nội dung báo cáo của UBND xã PM nêu trên. Trên cơ sở kiểm tra, đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG, UBND huyện LG đã giao Thanh tra huyện LG thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ bà A4 đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21.

Ngày 10/01/2017, Thanh tra huyện LG có Báo cáo số 03/BC-TTr về kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ, đã kết luận và kiến nghị như sau:

+ Việc xét, xác nhận, đề nghị của UBND xã PM trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị A4 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m² (trong đó có diện tích 770m² đất của ông A5 đã được UBND huyện cấp GCN năm 1993) là không đúng đối tượng, điều kiện cấp GCN đã vi phạm quy định tại điểm 3 Chương 2 và Mục II Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính Hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

+ Đề nghị UBND huyện thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481 đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A4 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21, thôn PĐ, xã PM.

Ngày 20/01/2017, UBND huyện LG có Thông báo số 71/UBND-TNMT về việc thông báo kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị A4, có nội dung “Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký, xét cấp GCNQSDĐ sau đo đạc bản đồ năm 2003, cho thấy: Bà Nguyễn Thị A4 đăng ký, kê khai đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21 (là thửa đất số 190, diện tích 1.540m² do ông Nguyễn Văn A12 (bà Ngọt) đang sử dụng và ông A5 được cấp GCN năm 1993 nêu trên), nhưng không có giấy tờ tặng cho, chuyển

nhượng của ông Dương hay ông A5 cho bà A4 đối với thửa đất này theo quy định của pháp luật đất đai. Việc xét, xác nhận, đề nghị của UBND xã PM trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị A4 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², trong đó cấp chồng vào diện tích 770m² đất ở của ông Nguyễn Tiến A5 đã được UBND huyện cấp GCN năm 1993, là không đúng đối tượng, điều kiện cấp GCN đã vi phạm quy định tại Điểm 3 Chương 2 và Mục II Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính Hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ. Mặc dù bà A4 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc A1 nhưng GCNQSDĐ đã cấp thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Chủ tịch UBND huyện LG thông báo cho bà Nguyễn Thị A4 và ông Nguyễn Quốc A1 biết, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này mà hộ gia đình không có khiếu nại thì UBND huyện sẽ ra quyết định thu hồi GCNQSD đất số Đ 237481, cấp ngày 22/12/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị A4, trú tại thôn PĐ, xã PM, đối với diện tích 1.641,1m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang”.

+ Ngày 06/6/2017, Chủ tịch UBND huyện LG có Công văn số 657/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Quốc A1, có nội dung “Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND huyện LG đã ban hành Thông báo số 71/TB-UBND ngày 20/01/2017 để thông báo cho bà Nguyễn Thị A4 và ông Nguyễn Quốc A1 biết về kết quả thẩm tra, thời hạn thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A4 và ông Nguyễn Quốc A1 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21, thôn PĐ, xã PM. Nay, Chủ tịch UBND huyện giữ nguyên nội dung Thông báo số 71/TB-UBND ngày 20/01/2017 nêu trên, không giải quyết khác”.

Căn cứ khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, ngày 29/9/2017, UBND huyện LG đã ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đối với hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1, trú tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, có nội dung:

“Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 237481, do UBND huyện LG cấp ngày 22/12/2003, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 01288 cho hộ bà Nguyễn Thị A4 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc A1 (là con trai bà Nguyễn Thị A4) được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện LG xác nhận ngày 5/5/2016 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thông tin cụ thể: Thửa số 45, tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính xã PM đo đạc năm 2003, diện tích 1.641,1m² đất (trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 1.341,1m²); địa chỉ thửa đất: Thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Lý do thu hồi: Việc xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị A4 là không đúng đối tượng sử dụng đất. Vì thửa đất nêu trên tại thời điểm năm 2003 ông Nguyễn Văn A12 và bà Đỗ Thị A13 đang sử dụng đất, nhưng trong hồ sơ xét, cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị A4 không có giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn A12, bà Đỗ Thị A13 với bà Nguyễn Thị A4 theo quy định của pháp luật và cấp chồng lên thửa đất ở của ông Nguyễn Tiến A5 đã được UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, thuộc thửa đất số 190, diện tích 770m², tờ bản đồ số 25 đo đạc năm 1992.

Căn cứ thu hồi: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện LG thực hiện việc thu hồi và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện đăng tải thông tin Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch UBND xã PM; bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1, ông Nguyễn Tiến A5 và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành ”.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

Tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai”.

Từ căn cứ trên, quan điểm của UBND huyện LG thấy rằng: Anh A1 khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang hủy Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ bà A4, anh A1 là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc đề nghị hủy Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2017 của UBND huyện LG và các văn bản có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND xã PM, huyện LG trong quá trình giải quyết vụ án không cung cấp quan điểm, thông tin tài liệu gì khác và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Tiến A5 trình bày: Ông có bố đẻ là cụ Nguyễn Văn A12 (sinh năm 1931 chết năm 2014), mẹ đẻ là cụ Đỗ Thị A13 (sinh năm 1928 chết tháng 7/2017). Bố mẹ ông sinh được 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị A7 (sinh năm 1953), bà Nguyễn Thị A6 (sinh năm 1957), bà Nguyễn Thị A4 (sinh năm 1958), bà Nguyễn Thị A8 (sinh năm 1960), bà Nguyễn Thị A8 (sinh năm 1962), ông Nguyễn Xuân Hùng (sinh năm 1963, đã chết), ông (Nguyễn Tiến A5 sinh năm 1965) và bà Nguyễn Thị A9 (sinh năm 1967). Trong thời gian bố mẹ ông còn sống đã xây dựng được 01 ngôi nhà 5 gian, 01 sân gạch trên mảnh đất 1.540m² tại tờ bản đồ số 25, số thửa 190. Năm 1993, bố mẹ ông tách đôi mảnh đất nói trên cho ông với diện tích là 770m² theo GCNQSDĐ số C 487261 tại thửa đất số 190 tờ bản đồ số 25. Trên thửa đất này vợ chồng ông làm 01 gian bếp, 02 gian nhà ăn, 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh, 03 gian chuồng lợn, 01 sân vôi. Phần đất của ông làm tiếp giáp với đầu hồi nhà 5 gian mà bố mẹ ông đã xây dựng.

Phần diện tích đất còn lại của bố mẹ ông 770m² thì do bố mẹ ông quản lý và sử dụng. Khi làm GCNQSDĐ thì diện tích của bố mẹ ông và diện tích đất của ông đều đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp, rõ ràng. Năm 2003, khi đo đạc lại thửa đất của bố mẹ ông và đất ở của ông được thể hiện tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21 thì diện tích đất thực tế là 1.641,1m².

Bà A4 là con gái thứ 3 trong gia đình ông. Bà A4 không có chồng nhưng có 01 con trai là anh A1 (sinh năm 1988). Do bà A4 không có chồng nên bố mẹ ông đã cho bà A4 mảnh đất có diện tích 249,7m² tại tờ bản đồ số 21, số thửa 38, mảnh đất này mang tên bố ông là cụ Nguyễn Văn A12, được cấp GCNQSDĐ số Đ 237428 ngày 22/12/2003. Mảnh đất này bà A4 đã làm 3 gian nhà cấp 4 có công trình phụ, mẹ con bà A4 sống từ năm 2003 cho đến tháng 5/2017 thì mẹ con bà A4 bán cho ông Tuấn ở cùng xóm. Tháng 5/2017 mẹ con bà A4 đã mua đất ở TĐ và làm nhà sinh sống từ đó cho đến nay.

Cũng năm 2003, khi Nhà nước có chủ trương đo đạc lại diện tích đất thổ cư, cấp đổi lại GCNQSDĐ. Thời gian này do ông bận làm ăn trong miền Nam, thì bà A4 đã tự kê khai toàn bộ diện tích đất ở của bố mẹ ông và diện tích đất ở của ông với diện tích 1,641,1m² tại thửa số 45 và bà A4 đã được UBND xã PM

lập hồ sơ địa chính và đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà A4. Ngày 22/12/2003, bà A4 được UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ số Đ 237481 cho thửa đất số 45, tại thôn PD, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang diện tích 1.641,1m².

Tháng 5/2016, bà A4 đã làm hợp đồng tặng cho cho con trai là anh A1 toàn bộ diện tích 1.641,1m² và đến tháng 8/2017 anh A1 gọi người đến bán toàn bộ diện tích đất này thì ông phát hiện ra sự việc nên đã làm đơn khiếu nại gửi UBND xã PM, UBND huyện LG.

Ngày 29/9/2017, Chủ tịch UBND huyện LG đã ra quyết định số 715/QĐ-UBND “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PD, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang”.

Nay, ông không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị A4 trình bày: Nguồn gốc GCNQSDĐ số Đ 237481 đứng tên bà là do bố mẹ bà là cụ A12 và cụ A13 cho bà. Ngày 13/4/2016, bà lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con trai bà là anh A1 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LG xác nhận quyền sử dụng đất cho anh A1 tại trang 04 của GCNQSDĐ số Đ 237481.

Ngày 20/01/2017, UBND huyện LG có Thông báo số 71/UBND-TNMT “V/v thông báo kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đất” kết luận GCNQSDĐ số Đ 237481 cấp trái pháp luật, không đúng trình tự thủ tục, UBND huyện LG sẽ tiến hành thu hồi GCNQSDĐ của anh A1.

Ngày 29/09/2017, UBND huyện LG ban hành Quyết định 715/QĐ-UBND “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PD, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang”.

Việc UBND huyện LG thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481 thông qua Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/09/2017 là việc làm trái pháp luật, không có căn cứ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của anh A1.

Bà xác định do bản thân nhận thức thấp kém nên không hiểu rằng sổ đỏ hiện không còn mang tên bà nữa, tức bà không có quyền đối với tài sản này, đã không có quyền thì sao có thể thu hồi từ bà được. Việc UBND huyện LG ban hành quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 thu hồi GCNQSDĐ của bà và anh A1 thì bà không đồng ý, bà đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG.

- Bà Nguyễn Thị A7 trình bày: Việc bố mẹ bà chuyển quyền sử dụng đất cho bà A4 bà hoàn toàn không được hỏi ý kiến. Phần diện tích đất còn lại 770m² do cụ A12, cụ A13 quản lý, bà đề nghị để xây nhà thờ.

- Bà Nguyễn Thị A6, bà Nguyễn Thị A8 trình bày: Lời khai của ông A5 là đúng, nhất trí với lời khai của ông A5. Diện tích đất của ông A5 trả lại cho ông A5 sử dụng, phần đất còn lại 770m² của cụ A12, cụ A13 để lại làm nhà thờ. Các bà không biết tất cả thủ tục chuyển nhượng cho bà A4. Bà A6, bà A8 không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

- Bà Nguyễn Thị A8 trình bày: Bà là con gái của cụ A12, cụ A13. Trước đây bố mẹ bà có thửa đất khoảng 1.600m² tại NX, thôn PĐ, sau đó chia cho ông A5 1 phần đất nhưng không rõ là bao nhiêu (chỉ nghe kể lại). Thời điểm bố mẹ còn sống, bà A4 sống ở đất ngoài và có qua lại chăm sóc bố mẹ. Sau này bố mẹ có cho bà A4 đất như thế nào bà không được biết. Khi bố mẹ chết thì nảy sinh việc khởi kiện này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu quyền lợi của bà được hưởng thì cho cháu Tiến là con trai ông A5. Do công việc phải đi lại thường xuyên nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bà Phạm Thị A10 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Tiến A5, bà nhất trí với ý kiến của ông A5, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Bà Nguyễn Thị A9 hiện nay đang ở CHLB Đức, có văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang với nội dung: Bà là con gái út của cụ A12, cụ A13 và là em gái của ông A5, bà A4. Khi bố mẹ bà còn sống có nói là cho ông A5 01 miếng đất ở vườn dưới 770m². Thời gian đó ông A5 đã làm sổ đỏ. Nhưng sau thời gian đó thì bố bà được Trưởng thôn tên Hùng báo là cụ A12 mang tiền lên xã mà chuộc lại miếng đất ở vườn dưới vì con trai cụ đã đổi đất không lấy ở vườn của cụ nữa mà ông ấy lấy đất ở nhà ngoài hiện ông ấy đang ở cùng vợ con, để trừ diện tích đi mà ông ấy không phải nộp tiền nhiều. Bây giờ cụ phải trả tiền để lấy lại đất không thì chúng cháu thu hồi cho người khác và ở đất của ông đấy. Cụ A12 đã phải lấy hết tiền bán bò nái và lợn của bà A4 để trả, bà thương bố nên vừa động viên vừa cho bố bà 10 triệu để chuộc đất. Lúc đó bên bán ruộng đất không thu hồi sổ bìa đỏ của ông A5. Sau thời gian đó, bố bà nói ông A5 đã lấy đất ở vườn đôi ở ngoài nên bố mẹ bà thấy nay mai mà chết đi thì chị Khanh rất khổ, đất ở ngoài đường của ông A5 cũng đã rộng rồi. Mà ai động nói thì anh ấy nói không thêm cái gì của bố mẹ. Ông A5 có lần đánh bố bà du ngã ra nhà, đập vỡ tủ của bố mẹ nên bố mẹ bà quyết định sau lần chuyển tiền lấy lại đất và quyết định làm sổ bìa đỏ cho bà A4. Bao nhiêu năm bà A4 ở với bố mẹ bà, bố mẹ bà đều cầm hết tiền bán bò, bán lợn của bà A4. Bố mẹ bà xây dựng hết vào đây. Bà xác định sổ bìa đỏ cấp cho bà A4 1.641m² là đúng vì lúc đó bố bà là người biết, khi lên xã còn bắt bố đưa bà A4 lên ký. Sổ bìa đỏ cấp cho ông A5 năm 1993 ông A5 đã dùng để đổi đất, bố bà phải chuộc lại. Ông A5 có hành vi đuổi mẹ bà xuống TĐ ở với bà A4. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 24/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 307, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc A1 về việc: Yêu cầu tuyên hủy Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện LG “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang” và các quyết định hành chính có liên quan là Thông báo số 71/UBND-TMNMT ngày 20/01/2017, Văn bản trả lời đơn số 657/UBND-TNMT ngày 06/6/2017 của UBND huyện LG; Khôi phục cho gia đình anh Nguyễn Quốc A1 những quyền, lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do Quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

2. Kiến nghị UBND huyện LG, Chủ tịch UBND huyện LG xem xét xử lý trách nhiệm của cá nhân, tổ chức để xảy ra vi phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A4 năm 2003.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2019, người khởi kiện là anh Nguyễn Quốc A1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Quách Thành A2 gửi văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có nội dung cơ bản như sau (Chủ tọa đã công bố công khai tại phiên tòa): Việc UBND huyện LG ban hành Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 thu hồi GCNQĐĐ đã cấp hộ bà Nguyễn Thị A4, anh Nguyễn Quốc A1 là không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy quyết định này và các văn bản có liên quan, khôi phục cho gia đình anh A1 những quyền, lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do Quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG và các văn bản hành chính có liên quan đã được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đảm bảo căn cứ pháp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 12/11/2017, anh Nguyễn Quốc A1 có đơn khởi kiện khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG, tỉnh Bắc Giang “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị A4, ông Nguyễn Quốc A1 trú tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang” cùng các văn bản hành chính có liên quan là Báo cáo số 823/BC-TNMT ngày 25/11/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG, Báo cáo số 03/BC-TTr ngày 10/01/2017 của Thanh tra huyện LG, Thông báo số 71/UBND-TMNMT ngày 20/01/2017 của UBND huyện LG, Văn bản trả lời đơn số 657/UBND-TNMT ngày 06/6/2017 của UBND huyện LG (sau đây viết tắt là Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/09 2017, Báo cáo số 823/BC-TNMT ngày 25/11/2016, Báo cáo số 03/BC-TTr ngày 10/01/2017, Thông báo số 71/UBND-TMNMT ngày 20/01/2017, Văn bản số 657/UBND-TNMT ngày 06/6/2017) và khôi phục cho gia đình anh những quyền ích lợi ích hợp pháp đã bị ảnh hưởng do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra. Quyết định 715/QĐ-UBND ngày 29/09 2017 của UBND huyện LG là quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 7 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Anh A1 khởi kiện còn trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Ngày 05/8/2019, người khởi kiện là anh Nguyễn Quốc A1 có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng

mặt và có gửi văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã PM, huyện LG, bà Nguyễn Thị A7, bà Nguyễn Thị A8, bà Nguyễn Thị A8, bà Nguyễn Thị A9 (tên gọi khác A9 H) vắng mặt nhưng các đương sự này không có kháng cáo, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã có quan điểm cụ thể và việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án (vì vụ án này chỉ xem xét, giải quyết về tính hợp pháp của quyết định hành chính thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481 mà UBND huyện LG đã cấp cho hộ bà A4 ngày 22/12/2003 do cấp chồng vào diện tích đất mà ông Nguyễn Tiến A5 đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1993 và các văn bản hành chính có liên quan, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vắng mặt); vụ án này đã hoãn xét xử nhiều lần nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện LG và các văn bản hành chính liên quan đến Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Tháng 5/2016, ông Nguyễn Tiến A5 gửi đơn đề nghị UBND xã PM xem xét, giải quyết việc năm 2003 UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị A4 (là chị ruột của ông A5) đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m² đã cấp chồng vào diện tích 770m² đất ở của ông A5 đã được UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ năm 1993. Ngày 29/9/2016, UBND xã PM có Báo cáo số 64/BC-UBND gửi UBND huyện LG báo cáo về kết quả kiểm tra nguồn gốc, quá trình cấp GCNQSDĐ của hộ ông A5 đã xác định việc cấp GCNQSDĐ cho bà A4 năm 2003 (cấp đổi sau đo đạc bản đồ) đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², trong đó có chồng vào đất của ông A5 đã cấp GCNQSDĐ năm 1993 với diện tích 770m² nên đề nghị UBND huyện LG xem xét thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà A4. UBND huyện LG giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG kiểm tra, đề xuất UBND huyện LG về nội dung báo cáo của UBND xã PM nêu trên. Trên cơ sở kiểm tra, đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG, UBND huyện LG đã giao Thanh tra huyện LG thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ bà A4 đối với thửa đất 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21. Ngày 10/01/2017, Thanh tra huyện LG có Báo cáo số 03/BC-TTr về kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đã kết luận việc cấp GCNQSDĐ năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị A4 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m² (trong đó có diện tích 770m² đất của ông A5 đã được UBND huyện cấp GCN năm 1993) là không đúng và kiến nghị UBND huyện LG thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481 đã cấp cho hộ bà A4 đối với thửa đất số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21, thôn PD, xã PM. Ngày 20/01/2017, UBND huyện LG có Văn bản số 71/UBND-TNMT thông báo kết quả thẩm tra trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà A4 và thông báo cho bà A4, anh A1 biết, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản này mà hộ gia đình không có khiếu nại thì UBND huyện LG sẽ ra quyết định thu hồi GCNQSD đất số Đ 237481, cấp ngày

22/12/2003 cho hộ bà A4. Sau đó, anh A1 có đơn khiếu nại. Ngày 06/6/2017, Chủ tịch UBND huyện LG có Công văn số 657/UBND-TNMT trả lời đơn của anh A1 với nội dung giữ nguyên Văn bản số 71/TB-UBND ngày 20/01/2017 của UBND huyện LG. Ngày 29/9/2017, UBND huyện LG ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481, do UBND huyện LG cấp ngày 22/12/2003, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01288 cho hộ bà A4 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính xã PM đo đạc năm 2003, diện tích 1.641,1m² đất (trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 1.341,1m²) tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; bà A4 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho anh A1 (là con của bà A4) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LG xác nhận ngày 5/5/2016 tại trang 4 của GCNQSDĐ. Như vậy, UBND huyện LG ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 6 và khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2003, điểm b khoản 4 Điều 47 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[5] Về căn cứ ban hành: Năm 1986, ông A5 được bố mẹ là cụ A12, cụ A13 cho diện tích đất hơn 700m² nằm trong diện tích 1.400m² đất của cụ A12, cụ A13. Năm 1990, ông A5 xây dựng công trình chăn nuôi trên phần diện tích đất này. Đến năm 1993, ông A5 được UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 770m² đất ở, tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 25. Năm 1996, ông A5 trồng cây ăn quả, đến năm 2010 tiếp tục xây dựng nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh trên phần diện tích được cấp GCNQSDĐ đất năm 1993. Theo GCNQSDĐ do UBND huyện LG cấp năm 1993 (cấp theo Luật Đất đai năm 1993) và Sổ Địa chính, Sổ Mục kê đất đai lập năm 1993 cho thấy: Ông A5 được cấp GCNQSDĐ ở và đất nông nghiệp chung trong một GCNQSDĐ có tổng diện tích là 3.052m² đất, trong đó có diện tích 770m² đất ở thuộc thửa đất số 190, diện tích 1.540m² và 07 thửa đất nông nghiệp. Trên thực tế, ông A5 đã xây dựng một số công trình (chăn nuôi, nhà bếp, nhà ăn, trồng cây) tại vị trí phía Bắc thửa đất số 190 (nay là thửa số 45, diện tích 1.641,1m², tờ bản đồ số 21 đo đạc năm 2003) tiếp giáp đầu hồi nhà ở 5 gian do cụ A12, cụ A13 sử dụng. Đến thời điểm hiện tại, ông A5 không bị thu hồi diện tích 770m² đất nêu trên và ông A5 cũng không có văn bản chuyển quyền sử dụng diện tích đất này cho bà A4 hoặc anh A1. Bà A4 đã kê khai đăng ký để cấp GCNQSDĐ và UBND huyện LG cấp GCNQSDĐ cho bà A4 vào năm 2003 gồm cả diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông A5 mà ông A5 đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1993; đến năm 2016 bà A4 lập hợp đồng tặng cho anh A1 toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó có cả quyền sử dụng đất mà ông A5 đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1993 như đã nêu trên và tài sản của ông A5 gắn liền với đất, là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông A5. Vì vậy, UBND huyện LG ban hành Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 thu hồi GCNQSDĐ số Đ 237481, do UBND huyện LG cấp ngày 22/12/2003, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01288 cho hộ bà A4 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính xã PM đo đạc năm

2003, diện tích 1.641,1m² đất (trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 1.341,1m²) tại thôn PĐ, xã PM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; bà A4 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho anh A1 (là con của bà A4) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LG xác nhận ngày 05/5/2016 tại trang 4 của GCNQSDĐ, là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[6] Về các văn bản hành chính có liên quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG và Thanh tra huyện LG là các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện LG, có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho UBND huyện LG nên Báo cáo số 823/BC-TNMT ngày 25/11/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LG và Báo cáo số 03/BC-TTr ngày 10/01/2017 của Thanh tra huyện LG là các văn bản tham mưu cho UBND huyện LG trong việc thực hiện nhiệm vụ và các văn bản này không phải là quyết định hành chính nên không phải đối tượng bị khởi kiện. Thông báo số 71/UBND-TMNMT ngày 20/01/2017 và Văn bản trả lời đơn số 657/UBND-TNMT ngày 06/6/2017 là văn bản hành chính do UBND huyện LG ban hành có liên quan đến Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 đang bị khởi kiện, nhưng các văn bản này được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung của Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 29/9/2017.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là anh A1 và kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có vi phạm dẫn đến việc cấp GCNQSDĐ cho bà A4 không đúng quy định của pháp luật, là có cơ sở.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có cơ sở nên được chấp nhận; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[9] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người khởi kiện là anh A1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là anh Nguyễn Quốc A1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện là anh Nguyễn Quốc A1 phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà anh Nguyễn Quốc A1 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000404 ngày 19/8/2019, xác nhận anh Nguyễn Quốc A1 đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBN tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Anh Dũng

Nguyễn Xuân Điền

Vũ Minh Tuấn